

SỬ DỤNG CHỈ TIÊU GNI TẠI VIỆT NAM

TS. NGUYỄN QUÁN

Trong hệ thống tài khoản quốc gia (SNA)⁽¹⁾ mà nước ta đã áp dụng từ năm 1992 có nhiều chỉ tiêu vĩ mô, trong đó có chỉ tiêu Tổng thu nhập quốc gia (GNI)⁽²⁾, trước đây được gọi là chỉ tiêu Tổng sản phẩm quốc gia (GNP).

Trên trang web của Ngân hàng Thế giới (WB) cuối năm 2009, chỉ tiêu GNI và chỉ tiêu Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của tất cả các nước thành viên WB, của các khu vực và các quốc gia khác (tính từ năm 2008 trở về trước) đã được công bố. Trong cuốn *The Little Green Data Book* năm 2009, WB cũng đã công bố GNI của tất cả các nước, các khu vực; các nhóm nước cùng nhiều chỉ tiêu khác liên quan đến con người, đến môi trường, môi sinh nhân dịp Hội nghị Thượng đỉnh ở Copenhagen (Đan Mạch) bàn về việc ngăn chặn sự nóng lên của trái đất.

⁽¹⁾ Do Liên Hợp Quốc (LHQ) ban hành.

⁽²⁾ GNI là chỉ tiêu rất quan trọng, có trong các thống kê của nhiều tổ chức quốc tế lớn như Thống kê tài chính quốc tế (IFS); các ấn phẩm của Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), WB, Thống kê LHQ... Ở nước ta, Tổng cục Thống kê cũng đã chú ý tới việc tính toán và công bố chỉ tiêu GNI. Tuy nhiên, GNI mới chỉ được công bố trong Niên giám Thống kê do Tổng cục Thống kê xuất bản hàng năm.

In State National Account applied in our country since 1992, there are numerous macro indexes including Gross National Income index. This is an important index, which comprises all income receipts from production and production factors (including labour, capital, natural resources in one year) owned by a nation minus/plus income receipts from production factors owned by foreigners.

In many country, there exists a big gap between GDP and GNI. If income receipts from production factors is smaller than income payments to production factors, GNI will be smaller than GDP and vice versa. In practice, outcomes of production and business activities in a certain period for accumulating, spending, saving, stabilizing and improving lives of inhabitants, developing production and business... in the year and following ones are from GNI (rather than GDP). Therefore, many countries and international organizations pay special attention to GNI and utilize this index for studying and evaluating national socio-economic development.

For Vietnam, along with fully applying all indexes in SNA, it is advisable to take further advantage and more effectively utilize GNI index in studying, analyzing and forecasting socio-economic development.



Tại Việt Nam, theo Niên giám Thống kê 2008, tỷ lệ GNI/GDP (%) lần lượt như sau: năm 1995: 99,9%; năm 2000: 98,6%; năm 2001: 98,7; năm 2002: 98,4%; năm 2003: 98,4%; năm 2004: 98,1%; năm 2005: 98,0%; năm 2006: 97,8%; năm 2007: 97,7%; năm 2008: 96,7%.

Bảng 1. Chỉ tiêu GNI và GDP của các nước/nhóm nước

Đơn vị tính: tỷ USD

	GNI	GDP	GNI/GDP (%)
Năm 2005			
Nhóm các nước có thu nhập cao	36.023	35.276	102,1
Nhóm các nước khu vực đồng Euro	10.238	10.131	101,1
Nhóm các nước có thu nhập thấp	346	353	97,7
Mỹ	12.877	12.376	104,0
Nhật Bản	4.976	4.522	110,0
Đức	2.886	2.791	103,4
Trung Quốc	2.273	2.236	101,6
Thái Lan	176	168	104,7
Năm 2008			
Nhóm các nước có thu nhập cao	42.041	43.190	97,4
Nhóm các nước khu vực đồng Euro	12.654	13.566	93,2
Nhóm các nước có thu nhập thấp	510	569	89,2
Mỹ	14.466	14.203	101,8
Nhật Bản	4.879	4.909	99,3
Đức	3.486	3.653	92,7
Trung Quốc	3.899	4.326	90,1
Thái Lan	192	261	73,5

Nguồn: Trang web của WB cuối năm 2009.

Sở dĩ có sự khác nhau giữa GNI và GDP là do nội dung của chỉ tiêu GNI khác với GDP. Do chúng ta đã rất quen với chỉ tiêu GDP, theo đó, tác giả chỉ xin nêu khái niệm và nội dung tính chỉ tiêu GNI. Trong cuốn *Phương pháp biên soạn SNA ở Việt Nam*⁽³⁾, khái niệm và cách tính GNI được nêu như sau:

“GNI phản ánh toàn bộ thu nhập từ sản xuất và các nhân tố sản xuất thuộc sở hữu quốc gia từ sản xuất trong nước sau khi đã cộng hoặc trừ thu nhập về lợi tức sở hữu từ các nhân tố sản xuất với nước ngoài: lao động, vốn, tài nguyên trong năm”.

Công thức tính chỉ tiêu GNI là:

$GNI = GDP + \text{Thu nhập lợi tức} - \text{Chi trả lợi tức từ các nhân tố sản xuất với nước ngoài}$

Lợi tức từ các nhân tố sản xuất (còn gọi là thu nhập sở hữu) bao gồm:

- Thu lao của người lao động với nước ngoài;
- Lợi tức từ đầu tư vào sản xuất, kinh doanh;
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay;
- Lợi tức đầu tư vào các giấy tờ có giá;
- Lợi tức từ cho thuê đất đai, vùng trời, vùng biển.

Sau đây là hai ví dụ để hiểu về chỉ tiêu GNI và GDP: (1) Thu nhập từ đầu tư vào hoạt động của mạng viễn thông của Viettel tại Campuchia tuy được tính vào GDP của Campuchia, nhưng thu nhập của Viettel do hoạt động này (giá trị tăng thêm - VA, bao gồm khấu hao, lợi nhuận, thu nhập của người Việt Nam do Viettel đưa sang Campuchia...) sẽ là thu nhập từ các nhân tố sản xuất của Viettel, tức là thuộc về Việt Nam và được tính vào GNI của Việt Nam; (2) Ngược lại, các hoạt động của nhà máy Toyota tại Việt Nam cũng tạo ra VA ở Việt Nam, đóng góp vào GDP của Việt Nam, tuy nhiên, VA này không thuộc về Việt Nam mà thuộc về chủ sở hữu của Toyota và phần này trở thành thu nhập lợi tức từ các nhân tố sản xuất của Toyota và được tính vào GNI của Nhật Bản.

Hiện tượng các nhân tố sản xuất của một quốc gia hoạt động sản xuất kinh doanh ở các quốc gia khác đã có từ lâu và ngày càng phát triển, nhất là tại các nước đang phát triển trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Các nước đang phát triển thường thiếu vốn, trình độ công nghệ vừa thiếu, vừa lạc hậu, đội ngũ lao động trình độ không cao nhưng dồi dào, nhiều tài nguyên thiên nhiên chưa được khai thác... Theo đó, các nước này có nhiều chính sách và biện pháp thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và cả đầu tư gián tiếp. Đồng thời, những nước này cũng xuất khẩu lao động và ít nhiều có đầu tư ra nước ngoài⁽⁴⁾.

Chính vì vậy, tại nhiều quốc gia, có sự khác biệt lớn giữa hai chỉ tiêu GNI và GDP. Nếu Thu nhập lợi tức từ các nhân tố sản xuất < Chi trả lợi tức từ các nhân tố sản xuất, sẽ dẫn đến $GNI < GDP$ và ngược lại. Trong năm 2008, tại nhóm các nước thu nhập thấp, GNI chỉ bằng 89,2% GDP, GNI của Việt Nam chỉ bằng 96,7% GDP, GNI của Thái Lan chỉ bằng 73,5% GDP. Trên thực tế, kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh trong một thời kỳ nhất định (ví dụ 1 năm) được dùng để tích lũy, tiêu dùng, để dành, ổn định và cải thiện đời sống dân cư, phát triển sản xuất, kinh doanh trong năm và các năm sau... là từ GNI (chứ không phải từ GDP). Do đó, nhiều quốc gia, tổ chức quốc tế (đặc biệt là WB) đã rất quan tâm và sử dụng chỉ tiêu GNI trong việc nghiên cứu và đánh giá sự phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia. Có thể nói, *GNI là chỉ tiêu quan trọng đo lường sự thịnh vượng chung của một quốc gia.*

GNI là chỉ tiêu dùng để đánh giá kết quả hoạt động sản xuất hàng hóa và dịch vụ mà mỗi quốc gia đã tạo được trong một năm, thuộc toàn quyền sở hữu của quốc gia đó. Do đó, WB đã phân loại các nhóm nước theo thu nhập căn cứ vào GNI bình quân đầu người tính bằng USD năm 2007. Các nước có thu nhập

⁽³⁾ Vụ Hệ thống tài khoản quốc gia, Tổng Cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư biên soạn và xuất bản năm 2003.

⁽⁴⁾ Năm 2007, tổng FDI trên toàn thế giới đạt con số kỷ lục là 1.900 tỷ USD, sau đó giảm xuống còn khoảng 1.200 tỷ USD năm 2009 - năm chịu ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế. Ngoài ra, mỗi năm trên thế giới đầu tư gián tiếp cũng lên tới hàng trăm tỷ USD và hàng chục triệu lao động làm việc ở nước ngoài. Từ năm 1988 đến cuối năm 2009, Việt Nam đã thu hút trên 185 tỷ USD vốn FDI, chưa kể đầu tư gián tiếp, và cũng đầu tư ra nước ngoài trên 2 tỷ USD. Xuất khẩu lao động hàng chục vạn người.

thấp là các nước có GNI bình quân đầu người từ 935 USD trở xuống; các nước có thu nhập trung bình có GNI bình quân đầu người từ 935 USD đến dưới 11.456 USD; các nước có thu nhập cao có GNI bình quân đầu người từ 11.456 USD trở lên. Trong năm 2007, Việt Nam được xếp vào nhóm các nước có thu nhập thấp với GNI bình quân đầu người đạt 770 USD, thấp hơn so với mức trung bình của nhóm các nước Đông Á và Thái Bình Dương (2.182 USD), nhưng cao hơn so với mức trung bình của nhóm nước thu nhập thấp (574 USD). Nằm trong nhóm nước có thu nhập thấp, nhưng nước ta có giá trị của chỉ tiêu GNI bình quân đầu người gần với cận trên của nhóm và cao hơn nhiều so với mức trung bình của các quốc gia trong nhóm.

GNI là chỉ tiêu không thể thiếu để tính toán và phân tích chỉ tiêu Thu nhập quốc gia khả dụng (NDI); hay nói cách khác, khi có chỉ tiêu GNI mới có thể tính được chỉ tiêu thu nhập quốc gia thuần (NNI). Đây là chỉ tiêu phản ánh tổng thu nhập từ sản xuất, lợi tức sở hữu và chuyển nhượng hiện hành trong năm, là nguồn thu nhập dùng cho tiêu dùng cuối cùng và tiết kiệm của quốc gia. Mối quan hệ giữa NDI và NNI được thể hiện trong công thức sau:

$$NDI = NNI + \text{Thu chuyển nhượng hiện hành} - \text{Chi chuyển nhượng hiện hành.}$$

Ở đây, NNI chính là thu nhập quốc gia trừ (-) khấu hao tài sản cố định (TSCĐ).

Từ chỉ tiêu NNI, chúng ta tiếp tục nghiên cứu và phân tích việc sử dụng NNI vào tiêu dùng cuối cùng và tiết kiệm (Sn). Tiêu dùng cuối cùng sẽ phản ánh đời sống của dân cư có ổn định và cải thiện hay không; có khả năng tích lũy nhiều hay ít, vì Sn là nguồn vốn quan trọng để tích lũy tài sản và đầu tư.

Dưới đây là một vài tính toán, phân tích của WB đối với Việt Nam và so sánh với các nước thuộc nhóm thu nhập thấp, nhóm các nước Đông Á và Thái Bình Dương (tính toán theo số liệu năm 2007 và dùng chỉ tiêu GNI làm cơ sở để nghiên cứu, phân tích).

Bảng 2. Một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô của Việt Nam, Nhóm nước Đông Á và Thái Bình Dương và Nhóm nước có thu nhập thấp

Đơn vị tính: %

	Việt Nam	Nhóm nước Đông Á và Thái Bình Dương	Nhóm nước thu nhập thấp
Tiết kiệm gộp/GNI	34,8	22,9	23,2
Tiêu dùng TSCĐ/GNI	12,3	12,6	12,8
Chi tiêu giáo dục/GNI	3,4	4,5	4,4
Hao hụt năng lượng/GNI	11,6	4,9	9,8
Điều chỉnh để dành thuần/ GNI	15,2	30,6	5,8

GNI cùng với chỉ tiêu GDP có thể phân tích phần Thu nhập và Chi trả lợi tức phân theo các nhân tố sản xuất, thậm chí mỗi nhân tố sản xuất có thể phân theo các quốc gia mà một nước có quan hệ và chi tiết hóa lợi tức từ các nhân tố sản xuất. Điều này sẽ cho thấy mức độ đóng góp của các nhân tố sản xuất vào Thu nhập hay Chi trả... Ở Việt Nam, đề án "Đổi mới các hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia" đã đề cập đến chỉ tiêu GNI, tuy nhiên, nếu chỉ dừng ở mức phân tổ gộp và thuần thì chưa đáp ứng được yêu cầu nghiên cứu, phân tích chi tiết.

Có thể nói, bên cạnh việc tính toán đầy đủ các chỉ tiêu trong SNA, cần sử dụng nhiều hơn và có hiệu quả chỉ tiêu GNI trong nghiên cứu, phân tích và dự báo kinh tế - xã hội. □